

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI		
STT	Họ và tên	Đơn vị công tác, lĩnh vực chuyên môn
1	PGS. T.S Trần Đình Tuấn	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
2	PGS.TS. Đỗ T. Thúy Phương	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
3	TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
4	TS. Ma Thị Hường	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
5	ThS. Đàm Phương Lan	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
6	ThS. Phan Thị Thái Hà	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
7	TS. Nguyễn Phương Thảo	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
8	ThS. Dương Thu Minh	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD
9	ThS. Đặng Thị Dịu	Khoa Kế toán-Trường ĐH Kinh tế & QTKD

DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị
Trường ĐH Kinh tế & Quản trị kinh doanh	Quản lý, chủ trì	PGS.TS. Đỗ Anh Tài
Tổng công ty Thép Việt Nam- CTCP	Cung cấp dữ liệu, tham gia phỏng vấn, khảo sát và tiếp nhận kết quả nghiên cứu	Ông Nghiêm Xuân Đa
Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên	Tham gia phỏng vấn, khảo sát và tiếp nhận kết quả nghiên cứu	Ông Trần Văn Thịnh
Công ty TNHH Natsteel Vina	Tham gia phỏng vấn, khảo sát và tiếp nhận kết quả nghiên cứu	Ông Hồ Phi Hiệp

MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI	i
DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	vi
RESEARCH RESULTS INFORMATION.....	viii
LỜI NÓI ĐẦU	10
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	10
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	11
2.1. Mục tiêu nghiên cứu chung.....	11
2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể.....	11
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	11
3.1. Đối tượng nghiên cứu	11
3.2. Phạm vi nghiên cứu.....	11
4. Phương pháp tiếp cận và nghiên cứu	11
4.1. Phương pháp tiếp cận.....	11
4.2. Phương pháp nghiên cứu.....	12
5. Nội dung nghiên cứu	12
CHƯƠNG 1- TỔNG QUAN VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP	13
1.1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ	13
1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước.....	13
1.1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước.....	13
1.2. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP 13	
1.2.1. Bản chất và chức năng của chức năng kiểm toán nội bộ	13
1.2.2. Nội dung, nhiệm vụ và vai trò của chức năng kiểm toán nội bộ.....	13
1.2.3. Quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp	13
1.2.4. Tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp.....	13
1.2.5. Cơ sở và phương pháp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp	13
1.2.6. Nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.....	13

1.3. KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ	13
1.3.1. Kinh nghiệm tổ chức thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong khu vực và trên thế giới .	13
1.3.2. Kinh nghiệm thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ các doanh nghiệp trong nước	13
1.3.3. Bài học kinh nghiệm về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ cho VNSTEEL	13
CHƯƠNG 2- THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI VNSTEEL	14
2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ-KỸ THUẬT-TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA VNSTEEL CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ	14
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của VNSTEEL	14
1.2.1. Đặc điểm hoạt động của VNSTEEL	14
1.2.2. Đặc điểm quản lý, tổ chức của VNSTEEL	14
2.2. THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ Ở VNSTEEL.....	15
Phương pháp thực hiện	15
2.2.1. Nội dung chức năng kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL.....	16
2.2.2. Quy trình thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL.....	16
2.2.3. Tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ tại VNSTEEL	17
2.2.4. Cơ sở và phương pháp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL	18
2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI VNSTEEL.....	18
Phương pháp thực hiện	18
2.3.1. Đánh giá tình hình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ tại VNSTEEL.....	19
2.3.2. Nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ tại VNSTEEL.....	21
CHƯƠNG 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL-VNSTEEL TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP	22
3.1. SỰ CẦN THIẾT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL.....	22
3.1.1. Định hướng phát triển của VNSTEEL trong bối cảnh hội nhập.....	22
3.1.2. Phương hướng hoàn thiện nhằm tăng cường chức năng KTNB tại VNSTEEL	22
3.2. GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL.	22
3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	23
<i>Kiến nghị đối với các cơ quan Nhà nước.....</i>	<i>23</i>
<i>Kiến nghị đối với VNSTEEL</i>	<i>23</i>
KẾT LUẬN.....	24

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Nghĩa tương minh
KTNB	Kiểm toán nội bộ
KTDL	Kiểm toán độc lập
KTNN	Kiểm toán Nhà nước
KSNB	Kiểm soát nội bộ
QLRR	Quản lý rủi ro
QTDN	Quản trị doanh nghiệp
KTV	Kiểm toán viên
KTVNB	Kiểm toán viên nội bộ
TCT	Tổng công ty
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
BCTC	Báo cáo tài chính
HDQT	Hội đồng quản trị
UBKT	Ủy ban kiểm toán
VNSTEEL	Tổng công ty thép Việt Nam
CTC	Công ty con
CTLD	Công ty liên doanh
CTLK	Công ty liên kết
ĐVTT	Đơn vị trực thuộc

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

- Tên đề tài:

Tăng cường chức năng kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

- Mã số: ĐH2017-TN08-10

- Chủ nhiệm đề tài: Th.s.Nguyễn Thị Tuân

- Tổ chức chủ trì: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

- Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 01 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018)

2. Mục tiêu

*** Mục tiêu chung**

Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường chức năng KTNB nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị nội bộ tại VNSTEEL

*** Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu chung được cụ thể hóa thành các mục tiêu như sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về chức năng KTNB hiện đại làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp và khuyến nghị trong phần sau.

- Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá thực trạng thực hiện chức năng KTNB tại VNSTEEL, nhận định nguyên nhân của thực trạng đó.

- Đề xuất các khuyến nghị nhằm tăng cường chức năng KTNB góp phần thực hiện hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát tại VNSTEEL.

3. Tính mới và sáng tạo

Đề tài đã tiếp cận nghiên cứu trên quan điểm hiện đại về chức năng KTNB và quản trị doanh nghiệp, có tham chiếu lịch sử và kinh nghiệm thực hiện chức năng KTNB của các nước và các doanh nghiệp có kinh nghiệm về lĩnh vực này. Trên cơ sở đó, đề tài khảo sát và đánh giá tình hình thực hiện chức năng KTNB tại VNSTEEL dưới góc nhìn của 3 bên có liên quan đến chức năng KTNB. Những kiến nghị được đề xuất trong đề tài sẽ là cơ sở để các nhà quản lý, nhà làm chính sách nghiên cứu áp dụng tăng cường chức năng KTNB tại VNSTEEL gắn với bối cảnh mới.

4. Kết quả nghiên cứu

Thứ nhất, đề tài đã nêu bật bản chất chức năng KTNB hiện đại và các khía cạnh nội hàm có liên quan.

Thứ hai, đề tài đã khảo sát và mô tả được thực trạng KTNB cũng như đánh giá được chức năng KTNB tại VNSTEEL cũng như chỉ ra những nguyên nhân chủ quan và khách quan của thực trạng đó.

Thứ ba, đề tài đã đề xuất các nhóm kiến nghị cho Tổng công ty Thép trên từng khía cạnh còn hạn chế nhằm tăng cường chức năng KTNB một cách có căn cứ thực tế và có cơ sở lý luận do đó có tính thuyết phục và khả thi cao.

5. Sản phẩm:

5.1. Sản phẩm khoa học:

1) Nguyễn Thị Tuân (2018), “Tiếp cận KTNB theo thông lệ quốc tế”, *Tạp chí Tài chính*, (680), tr. 64-67.

2) Nguyễn Thị Tuân (2019), “Các mô hình tổ chức bộ phận KTNB-vận dụng trong Tổng công ty thép Việt Nam”, *Tạp chí kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương*, (541), tr.104-106.

(3) Nguyễn Thị Tuân (2019), “Kinh nghiệm quốc tế về thực hiện chức năng KTNB ”, *Tạp chí Tài chính*, (707), tr.49-51.

5.2. Sản phẩm đào tạo:

Nguyễn Thị Dung-GVHD Nguyễn Thị Tuân (2018), *Tăng cường vai trò của KTNB tại Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên*, Mã số đề tài: SV2018-AC-09. Đề tài NCKH sinh viên, Trường ĐH Kinh tế và QTKD, xếp loại Khá.

5.3. Sản phẩm ứng dụng

Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu “*Tăng cường chức năng KTNB tại Tổng công ty thép Việt Nam*”

Bản kiến nghị “*Tăng cường chức năng KTNB tại Tổng công ty thép Việt Nam*”

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

Kết quả nghiên cứu được chuyển giao cho tổ chức chủ trì để đưa vào làm tài liệu tham khảo cho việc học tập và nghiên cứu môn học KTNB và các môn học khác của chuyên ngành kế toán-kiểm toán.

Kết quả nghiên cứu cũng được chuyển giao cho VNSTEEL và các đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết để làm tài liệu tham khảo trong việc vận dụng, triển khai các biện pháp nhằm tăng cường chức năng KTNB.

Ngày tháng năm 2019

Tổ chức chủ trì

(ký, họ và tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

Nguyễn Thị Tuân

THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF ECONOMICS AND BUSINESS ADMINISTRATION

RESEARCH RESULTS INFORMATION

1. General information:

- Project title: Enhancing the internal audit function at VietNam Steel Corporation (VNSTEEL)

- Code: DH2017-TN08-10

- Project manager: MBA.Nguyen Thi Tuan

- Host organization: University of Economics and Business Administration

- Implementating Duration: 24 months (from Jan 2017 to Dec 2018)

2. Research objectives:

- Systematizing the basic theoretical issues about modern Internal Audit Function as a basis for proposing solutions.

- Survey and assess Internal Audit Function at VNSTEEL.

- Proposing solutions and recommendations to enhance Internal Audit Function in management and control at VNSTEEL.

3. Newness and creativity:

The project has approached the research on the modern viewpoint of the Internal Audit Function and corporate governance, with historical reference and experience to implement the Internal Audit Function of the countries and enterprises experienced in this field. On that basis, the topic of survey and assessment of the implementing of the Internal Audit Function at VNSTEEL under the perspective of 3 parties relating to the Internal Audit Function. Proposals proposed in the project will be a basis for managers and policy makers to enhance the internal audit function at VNSTEEL in the new context.

4. Research results:

Firstly, the topic highlighted the nature of the modern Internal Audit function and related internal aspects.

Secondly, the project has surveyed and described and evaluated the actual status of internal audit function at VNSTEEL as well as pointed out the objective and subjective causes of that situation.

Thirdly, the project has proposed petitioning groups for Steel Corporation on each aspect that is limited in order to enhance the internal audit function in basis of a realistic and theoretical way and is therefore convincing and High feasibility.

5. Products:

5.1. Scientific products:

- 1) Nguyen Thi Tuan (2018), "Approach to Internal Audit in accordance with international practice", *Journal of Finance*; (680), pp. 64-67
- 2) Nguyen Thi Tuan (2019), "The organizational model of Internal Audit Department - used in Vietnam Steel Corporation", *Asia-Pacific Economic Review*, (541), pp.104-106
- 3) Nguyen Thi Tuan (2019), "Practical experience of implementing Internal Audit function", *Finance Magazine*; (707), pp.49-51.

5.2. Training products:

Nguyen Thi Dung and instructor Nguyen Thi Tuan (2018), "*Strengthening the role of Internal Audit at Thai Nguyen Iron and Steel Joint Stock Company*", Student research Project, Code: SV2018-AC-09. University of Economics and Business Administration.

5.3. Product application:

Summarized report and final report of the research "*Enhancing the internal audit function at VNSTEEL*"

Report of proposals "*Enhancing the internal audit function at VNSTEEL*"

6. Transfer method, application address, impact and benefits of research results:

The transfer to the host organization for inclusion in the reference for studying the subject of the Internal Audit Function and other subjects of the major of auditing.

The research results will be also transferred to VNSTEEL as a reference in organizing the Internal Audit Function implementing measures to enhance Internal Audit Function in VNSTEEL.

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Kiểm toán nội bộ (KTNB) ngay từ khi xuất hiện đã khẳng định được vai trò và tầm quan trọng không thể thiếu trong quản lý và hoạt động của DN. Theo Viện KTVNB Hoa Kỳ (IIA), “KTNB là hoạt động đảm bảo và tư vấn độc lập, khách quan được thiết lập nhằm tăng thêm giá trị và cải tiến hoạt động của một tổ chức. KTNB hỗ trợ tổ chức đạt được những mục tiêu thông qua sự tiếp cận một cách có nguyên tắc, có hệ thống nhằm đánh giá và cải thiện hiệu quả của quá trình quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị DN” (IIA, 2016). Chức năng chính của KTNB là đảm bảo và tư vấn nhằm cải thiện hoạt động và gia tăng giá trị cho DN. Qua thời gian, chức năng KTNB ngày càng phát triển, hoàn thiện và được khẳng định về mặt lý luận, pháp lý và thực tiễn.

Tổng công ty thép Việt Nam (VNSTEEL) là một trong 17 tổng công ty được Thủ tướng Chính phủ thành lập năm 1990. Sự ra đời của VNSTEEL gắn liền với lịch sử phát triển của đất nước và của ngành công nghiệp luyện kim, đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành công nghiệp thép trong nước. Hiện nay, VNSTEEL là một hệ thống bao gồm hơn 50 DN trực thuộc, công ty con và công ty liên kết; có các nhà máy sản xuất, cơ sở khai thác mỏ, mạng lưới kinh doanh trong phạm vi toàn quốc. VNSTEEL hoạt động kinh doanh chủ yếu trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thép; và các vật tư, thiết bị liên quan đến ngành thép, cung cấp trên 50% nhu cầu thép xây dựng và khoảng 30% nhu cầu thép cán nguội trong nước. Tuy nhiên, vài năm gần đây, VNSTEEL phải đối mặt với nhiều rủi ro đến từ nhiều yếu tố: trình độ công nghệ, quy mô hoạt động, cạnh tranh về chi phí giá thành, nguồn cung trên thị trường dư thừa do thép ngoại nhập, mức tiêu thụ thép ở thị trường trong nước sụt giảm, các DN sản xuất cầm chừng....

Một trong những nguyên nhân quan trọng của tình trạng đó xuất phát từ sự yếu kém và thiếu hiệu quả của KTNB. Khi mới thành lập, VNSTEEL hoạt động theo mô hình TCT 91. Vào thời điểm đó, quy chế số 832 của Bộ Tài chính yêu cầu mọi tập đoàn kinh tế Nhà nước và các TCT 90, 91 đều phải thiết lập bộ phận KTNB. Theo đó, KTNB đã hiện diện ở VNSTEEL trong nhiều năm và đã đóng góp tích cực vào hoạt động quản lý cũng như vào hoạt động kiểm soát trong DN. Đến nay, về mặt hình thức có thể thay đổi song về bản chất, một bộ phận chuyên trách của TCT vẫn đang thực hiện chức năng KTNB. Tuy nhiên, việc thực hiện chức năng KTNB tại VNSTEEL vẫn còn nhiều bất cập từ quan điểm nhận thức của nhà quản lý, nội dung và mục tiêu kiểm toán, kỹ năng và hiểu biết của KTV, công tác tổ chức bộ phận kiểm toán đến các cơ sở nền tảng cho việc tổ chức hoạt động KTNB trong TCT.... Điều đó khiến cho chức năng và vai trò của KTNB không được phát huy đầy đủ và là nguyên nhân quan trọng dẫn đến những yếu kém trong kiểm soát và quản lý.

Giai đoạn sắp tới, VNSTEEL phải tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập và cạnh tranh với các DN thép của khu vực và thế giới. VNSTEEL phải đối mặt với nhiều rủi ro đến từ nhiều phía bao gồm các yếu tố vĩ mô và vi mô, yếu tố kinh doanh và pháp lý, yếu tố khách quan và chủ quan,... Trong bối cảnh môi trường hoạt động nhiều biến động, rủi ro ngày càng đa dạng và khó nhận diện và các thủ tục kiểm soát nhanh bị lạc hậu theo thời gian, KTNB nên được tư duy đến như một giải pháp có tính hệ thống. Để tăng cường vai trò "người trợ giúp tổ chức hoàn thành mục tiêu" của KTNB tại VNSTEEL, cần có sự đánh giá một cách đầy đủ, khách quan, trên cơ sở khoa học về thực hiện chức

năng KTNB trong TCT; nhận định nguyên nhân của thực trạng chức năng KTNB nhằm đưa ra đề xuất khuyến nghị giúp TCT tăng cường chức năng KTNB theo xu hướng hiện đại.

Xuất phát từ những phân tích trên, nhóm nghiên cứu chúng tôi quyết định lựa chọn đề thực hiện đề tài “*Tăng cường chức năng KTNB tại VNSTEEL*” với mong muốn mang đến lời giải cho bài toán sống-còn của VNSTEEL trong bối cảnh hiện nay.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu chung

Mục tiêu chung của đề tài là nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường chức năng KTNB nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị nội bộ tại VNSTEEL.

2.2. Mục tiêu nghiên cứu cụ thể

Mục tiêu chung được cụ thể hóa thành các mục tiêu như sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về chức năng KTNB hiện đại làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp và khuyến nghị trong phần sau.

- Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá thực trạng thực hiện chức năng KTNB tại VNSTEEL, nhận định nguyên nhân của thực trạng đó.

- Đề xuất các khuyến nghị nhằm tăng cường chức năng KTNB góp phần thực hiện hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát tại VNSTEEL.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là chức năng KTNB nói chung và việc thực hiện chức năng KTNB tại VNSTEEL.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- + Về nội dung, đề tài tập trung mô tả và đánh giá thực trạng thực hiện chức năng KTNB trong DN, không đi sâu vào quy trình, kỹ thuật kiểm toán.

- + Về khách thể, đề tài có khách thể nghiên cứu là VNSTEEL với 51 đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên kết trong đó tập trung khảo sát và nghiên cứu ở 28 đơn vị thực tế đã được thực hiện KTNB bởi VNSTEEL

- + Về thời gian nghiên cứu, đề tài thu thập khảo sát dữ liệu phát sinh trong thực tiễn tại khách thể nghiên cứu trong giai đoạn 2015-2018; giải pháp và khuyến nghị đề xuất cho giai đoạn 2020-2025.

4. Phương pháp tiếp cận và nghiên cứu

4.1. Phương pháp tiếp cận

Đề tài sử dụng phương pháp tiếp cận từng chủ điểm của vấn đề nghiên cứu, giải quyết các vấn đề nghiên cứu lần lượt theo trình tự logic. Đồng thời, đề tài nghiên cứu đối tượng kiểm toán gắn liền với đặc điểm của khách thể trong bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể, có định hướng tương lai.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài dự kiến sử dụng kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng giản đơn với các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp.

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua các phương pháp cụ thể là phỏng vấn sâu, nghiên cứu tài liệu. Dự kiến các chuyên gia được phỏng vấn và hỏi ý kiến sẽ là nhà quản lý cấp cao và các KTV, kiểm soát viên của các DN trong mẫu nghiên cứu.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua bảng hỏi nhằm khảo sát quan điểm, nhận thức của nhà quản lý về chức năng KTNB, mức độ thực hiện chức năng KTNB, nhu cầu của DN về chức năng KTNB trong tương lai. Kỹ thuật thống kê mô tả giản đơn và biểu thị bằng biểu đồ được sử dụng.

Dữ liệu thứ cấp có nguồn là các công trình nghiên cứu có liên quan đã công bố trên các tạp chí, đề tài, đề án đã nghiệm thu; dữ liệu trên trang Web chính thức của VNSTEEL. Đó đều là các công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước, các đề tài đã được nghiệm thu bởi các Hội đồng khoa học uy tín, các trang thông tin chính thức của cơ quan Nhà nước nên đều là những dữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, đã được kiểm chứng và có độ tin cậy cao.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát thực tiễn bằng bảng hỏi, phương pháp chuyên gia, phương pháp phỏng vấn sâu:

- Phỏng vấn sâu theo dạng bán cấu trúc với số lượng mẫu 03 người. Đối tượng tham gia là các nhà quản lý và KTVNB.

- Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi nhằm khảo sát quan điểm của nhà quản lý về chức năng KTNB, mức độ thực hiện KTNB, nhu cầu của DN về chức năng KTNB trong tương lai. Bảng câu hỏi dự kiến được gửi cho các thành viên HĐQT, thành viên ban giám đốc, thành viên BKS, các KTVNB và một số giám đốc/trưởng bộ phận chức năng qua email, gửi thư và trực tiếp.

Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu: Dữ liệu thu được từ phương pháp chuyên gia và phỏng vấn bán cấu trúc sẽ được ghi chép và tổng hợp. Dữ liệu thu được từ bảng hỏi được phân nhóm, tổng hợp, kiểm tra và phân tích bằng các kỹ thuật thống kê mô tả giản đơn.

Phương pháp nghiên cứu được mô tả chi tiết hơn trong từng nội dung nghiên cứu được trình bày ở chương 2 của đề tài.

5. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần lời nói đầu và kết luận, đề tài gồm 3 chương như sau:

CHƯƠNG 1- TỔNG QUAN VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KTNB TRONG DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG 2- THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL-VNSTEEL-CTCP

CHƯƠNG 3-MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL-VNSTEEL TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

CHƯƠNG 1- TỔNG QUAN VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC VỀ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1.1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

1.1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

1.2. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Bản chất và chức năng của chức năng kiểm toán nội bộ

1.2.2. Nội dung, nhiệm vụ và vai trò của chức năng kiểm toán nội bộ

1.2.3. Quy trình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp

1.2.4. Tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp

1.2.5. Cơ sở và phương pháp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp

1.2.6. Nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

1.3. KINH NGHIỆM TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1.3.1. Kinh nghiệm tổ chức thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong khu vực và trên thế giới

1.3.2. Kinh nghiệm thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ các doanh nghiệp trong nước

1.3.3. Bài học kinh nghiệm về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ cho VNSTEEL

CHƯƠNG 2- THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI VNSTEEL

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ-KỸ THUẬT-TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA VNSTEEL CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của VNSTEEL

Thông tin khái quát

Tên gọi đầy đủ: Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP

Tên giao dịch quốc tế: VietNam Steel Corporation

Viết tắt: VNSTEEL

Trụ sở chính: 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Tel: (84.4) 3856 1767 - Fax: (84.4) 3856 1815

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh: Số 56 Thủ Khoa Huân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: (84.8) 3829 1539 - Fax: (84.8) 3829 6301

Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1. Đặc điểm hoạt động của VNSTEEL

1.2.2. Đặc điểm quản lý, tổ chức của VNSTEEL

Những đặc điểm của VNSTEEL có ảnh hưởng đến chức năng KTNB

Thứ nhất, VNSTEEL là tổ hợp kinh tế gồm nhiều thành viên hạch toán độc lập. Các thành viên liên kết với nhau theo mô hình công ty mẹ – công ty con thông qua quan hệ sở hữu về vốn là chủ yếu, đồng thời vẫn có sự gắn kết về công nghệ, thị trường, thương hiệu, nghiệp vụ.

Thứ hai, VNSTEEL gồm hệ thống các DN có quan hệ mật thiết về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, dịch vụ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị, xuất nhập khẩu; có các nhà máy sản xuất, cơ sở khai thác mỏ, mạng lưới kinh doanh và dịch vụ, viện nghiên cứu, trường học....

Thứ ba, cơ cấu tổ chức bộ máy có đặc điểm là được tổ chức theo mô hình liên kết hỗn hợp, giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết và tồn tại cả hai hình thức liên kết là liên kết theo chiều ngang và liên kết theo chiều dọc.

Thứ tư, công ty mẹ tồn tại dưới hình thức công ty cổ phần. Việc tồn tại dưới hình thức công ty cổ phần cho phép công ty mẹ tận dụng được các ưu thế vốn có của loại hình công ty cổ phần

Thứ năm, cơ cấu tổ chức quản lý của các đơn vị thuộc VNSTEEL hầu hết theo mô hình trực tuyến chức năng – cơ cấu quản trị phổ biến hiện nay.

Thứ sáu, đặc điểm đội ngũ quản lý:

Thứ bảy, VNSTEEL là công ty đại chúng

2.2. THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ Ở VNSTEEL

Phương pháp thực hiện

Mục đích của mục này là mô tả được các khía cạnh thực tế liên quan đến chức năng KTNB đã diễn ra ở TCT trong thời gian qua (năm 2015-2018). Phương pháp nghiên cứu được lựa chọn là mô tả định tính và định lượng giản đơn.

Phương pháp mô tả định tính: Thông tin phục vụ nghiên cứu nội dung này được thu thập từ hai nguồn chủ yếu là kết quả các cuộc phỏng vấn và thông tin từ các tài liệu do TCT cung cấp. Phiếu phỏng vấn được thiết kế thành 2 mẫu: một mẫu dành cho nhà quản trị cấp cao - đại diện cho TCT và một mẫu dành cho KTVNB - chủ thể hoạt động KTNB (*Phụ lục số 05 và 06*). Có 02 nhà quản trị cấp cao và 03 KTVNB - những người có kinh nghiệm thực tế về KTNB tại TCT - đã trực tiếp tham gia phỏng vấn. Kết quả phỏng vấn được ghi chép, chuyển hóa dưới dạng văn bản và đánh mã số để phục vụ cho việc trích dẫn và tổng hợp.

Phương pháp định lượng giản đơn (thống kê mô tả): Nhóm nghiên cứu sử dụng phiếu khảo sát để thu thập thông tin. Mẫu phiếu 01 (*Phụ lục số 07*) dùng để khảo sát thông tin chung về chức năng KTNB của TCT. Mẫu phiếu này được phát ra cho đại diện của TCT và 51 đơn vị thành viên, công ty con, công ty liên doanh liên kết với TCT (sau đây gọi chung là **đơn vị**). Tổng số 51 phiếu phát ra, số phiếu thu về là 51 (100%), gồm 9 đơn vị trực thuộc (ĐVTT), 14 công ty con (CTC), 16 công ty liên doanh (CTLĐ) và 12 công ty liên kết (CTLK) với TCT.

Bảng 2.1-Tổng hợp phát và thu phiếu khảo sát				
Số phiếu	Mẫu 01-TCT và các đơn vị			
Phát ra	51			
Thu về và khả dụng	51			
Tỉ lệ (%)	100%			
Trong đó	ĐVTT	CTC	CTLĐ	CTLK
Số lượng phiếu	09	14	16	12
Tỉ lệ (%)	17,65	27,45	31,37	23,53

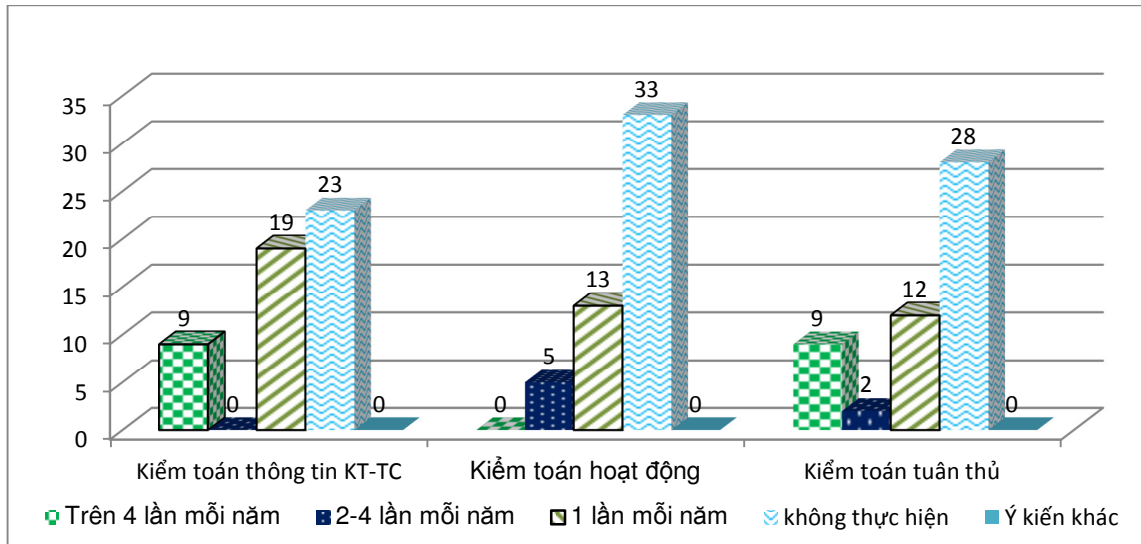
(Nguồn: Nhóm tác giả tự tính toán)

Trong giai đoạn 2015-2018, KTNB của TCT đã thực hiện kiểm toán cho các đơn vị, trong đó có 28 đơn vị đã từng là khách thể của KTNB chiếm tỉ lệ 54,90%. (gồm: 9 ĐVTT, 14 CTC, 16 CTLĐ và 12 CTLK).

Kết quả khảo sát được tổng hợp theo số lượng (số lượng đơn vị) và tính toán tỉ lệ (%) sau đó biểu thị bằng các biểu đồ tương ứng.

Xét theo mức độ thường xuyên, nếu như kiểm toán thông tin kế toán-tài chính và kiểm toán tuân thủ được thực hiện thường xuyên hàng quý cho 9 đơn vị và hàng năm cho 19 đơn vị thì kiểm toán hoạt động được thực hiện hàng năm cho 13 đơn vị và chỉ có 5 đơn vị có số cuộc kiểm toán hoạt động trên 2 lần/1 năm.

2.2.1. Nội dung chức năng kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL



Biểu đồ 2.6-Thống kê mức độ thường xuyên thực hiện từng nội dung KTNB

(Nguồn: Nhóm tác giả tính toán từ kết quả khảo sát)

Chức năng KTNB không được quy định và văn bản hóa. Tuy nhiên, trong thực tế, cả hai chức năng đảm bảo và tư vấn đều được thực hiện trong đó cả ba chức năng thành phần thuộc chức năng đảm bảo bao gồm kiểm tra, đánh giá và xác nhận đã được thực hiện đầy đủ. Mức độ thực hiện các chức năng có sự chênh lệch, trong đó các hoạt động kiểm tra được thực hiện nhiều hơn, thường xuyên hơn là hoạt động tư vấn. Chức năng kiểm tra chủ yếu tập trung vào các nội dung kiểm tra truyền thống như kiểm tra thông tin kế toán-tài chính; chức năng tư vấn lại tập trung vào việc đưa ra các biện pháp, phương án xử lý, khắc phục hiện trạng trong khi việc tư vấn để nâng cao hiệu quả QLRR, KSNB và tư vấn để thực hiện mục tiêu quản lý chưa được quan tâm triển khai. Về nội dung, cả 3 loại hình kiểm toán đều được thực hiện bao gồm kiểm toán thông tin kế toán-tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động. Trong đó, kiểm toán thông tin kế toán tài chính được thực hiện nhiều và thường xuyên hơn, rồi đến kiểm toán tuân thủ và ít nhất là kiểm toán hoạt động.

2.2.2. Quy trình thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL

Quy trình một cuộc kiểm toán được thực hiện bởi KTNB của TCT không hoàn toàn giống nhau, tuy nhiên có thể khái quát thành các bước cơ bản tương tự quy trình một cuộc kiểm toán trong quy chế KTNB nói chung, chỉ khác về nội dung công việc cụ thể trong từng giai đoạn. Cụ thể, cuộc kiểm toán thường bao gồm các giai đoạn chính sau đây:

- **Chuẩn bị kiểm toán:**
- **Thực hiện kiểm toán:**
- **Kết thúc kiểm toán:**
- **Công việc hậu kiểm toán:**

Như vậy, một cuộc KTNB được thực hiện bởi KTNB của TCT về cơ bản cũng trải qua 4 giai đoạn bao gồm chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán và theo dõi sau kiểm toán. Việc lập kế hoạch KTNB thường được thực hiện hàng năm, chương trình kiểm toán hay kế hoạch

kiểm toán chi tiết chưa được chú trọng ngoại trừ các cuộc kiểm tra chuyên đề, kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm toán được xác định chủ yếu là kiểm toán BCTC và tập trung vào những khoản mục trên BCTC và các khoản mục được cho là chứa đựng khả năng sai phạm cao như doanh thu, chi phí sản xuất và giá vốn hàng bán. KTVNB thực hiện các thử nghiệm cơ bản hướng vào kiểm tra chi tiết nghiệp vụ và kiểm tra chi tiết số dư là chủ yếu. Quá trình thực hiện KTNB chưa được tổ chức bài bản, thiếu chuyên nghiệp, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của KTVNB. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTVNB của TCT có sự phối hợp với đơn vị được kiểm toán thông qua sự phối hợp về nhân sự hoặc về dữ liệu phục vụ công tác kiểm toán. Các mối quan hệ phối hợp đó là cần thiết và hỗ trợ đắc lực, hiệu quả cho công tác kiểm toán của KTVNB TCT. Kết quả KTNB do TCT thực hiện thường là những phát hiện ra những sai phạm, kiến nghị biện pháp xử lý, tư vấn biện pháp cải thiện và tăng cường công tác quản lý, kiểm soát,... Những kiến nghị và tư vấn của KTNB đưa ra sau mỗi cuộc kiểm toán thường được báo cáo và triển khai đến các khách thể kiểm toán tuy nhiên việc thực hiện thực hiện kiến nghị lại không được quan tâm, theo dõi và nghiệm thu, đánh giá.

2.2.3. Tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ tại VNSTEEL

2.2.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ

TCT chưa thành lập bộ máy KTNB chuyên trách. Nhân sự thực hiện chức năng KTNB thực chất là các thành viên BKS kiêm nhiệm, bộ phận KTNB được tổ chức lồng ghép trong BKS, đứng đầu bởi trưởng BKS, báo cáo trực tiếp cho trưởng BKS trong khi BKS của công ty trực thuộc Đại hội đồng cổ đông.

Các đơn vị thành viên, công ty con và công ty liên kết của TCT, bộ phận KTNB cũng chưa được thiết lập riêng. Do đó, mối liên hệ giữa bộ phận KTNB ở TCT và KTNB của các công ty con, công ty lỏng lẻo, nếu có chỉ đơn thuần là quan hệ cung cấp thông tin, hỗ trợ tài liệu.

Bộ phận KTNB có sự trao đổi, phối hợp công tác đối với các ban chức năng của TCT và lãnh đạo ở các đơn vị thành viên, các phòng chức năng của đơn vị thành viên trong các cuộc kiểm toán.

2.2.3.2. Nhân sự thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL

Nhân sự thường xuyên đảm nhận chức năng KTNB của TCT hiện nay gồm 03 người, là các thành viên BKS kiêm nhiệm, thuộc biên chế của BKS của TCT. Bên cạnh đó, KTNB TCT có nguồn nhân sự không thường xuyên là chuyên viên từ các bộ phận chức năng của TCT và các KTVNB của các đơn vị khách thể kiểm toán.

Như vậy, bộ máy KTNB của TCT hiện nay chưa được thiết lập một cách bài bản, chuyên nghiệp khi đang được tổ chức lồng ghép trong BKS. Nhân sự thực hiện chức năng KTNB với lực lượng nhân viên kiêm nhiệm thành viên BKS làm nòng cốt kèm theo một lực lượng bổ sung không thường xuyên đến từ các phòng ban chức năng và các đơn vị của TCT, chủ yếu từ bộ phận kế toán chuyển sang, chưa được đào tạo bài bản về KTNB và có những hạn chế nhất định trong thực tiễn KTNB. Tuy nhiên, do được bố trí trực thuộc cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của TCT là BKS, hoạt động độc lập với các cấp quản trị, điều hành khác của TCT nên KTNB có tính độc lập và thẩm quyền cao. Mối quan hệ giữa bộ phận KTNB với các bộ phận ban chức năng của TCT và các đơn vị của TCT được duy trì tốt. Một thế mạnh về nhân sự KTNB của TCT là chuyên môn đào tạo bài bản, có

kinh nghiệm về kế toán và KTNB, am tường về lĩnh vực ngành nghề sản xuất kinh doanh thép, nắm rõ đặc thù của TCT, đảm bảo tính độc lập, khách quan trong công việc.

2.2.4. Cơ sở và phương pháp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ ở VNSTEEL

2.2.4.1. Cơ sở thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

*** *Khuôn khổ pháp lý về KTNB***

Trong bối cảnh chung đó, KTNB của TCT thép Việt Nam cũng chỉ có thể tiếp cận hệ thống chuẩn mực KTNB của quốc tế một cách hạn chế, đôi khi vận dụng cả những quy định, hướng dẫn có liên quan trong chuẩn mực KTNN và chuẩn mực KTĐL của Việt Nam (*Bảng 2.3*).

*** *Cơ sở thực hiện chức năng KTNB do TCT xây dựng***

Theo kết quả khảo sát (*Bảng 2.3*), KTVNB của TCT ít khi vận dụng chuẩn mực của KTNN và KTĐL, chỉ đôi khi sử dụng chuẩn mực KTNB quốc tế. TCT chưa xây dựng quy chế KTNB, điều lệ KTNB cũng như sổ tay KTNB riêng nên KTVNB của TCT không sử dụng các tài liệu này trong các cuộc KTNB. Phần lớn các hoạt động KTNB của TCT dựa trên chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch do BKS đề ra và giao phó trên cơ sở tuân thủ Điều lệ TCT và quy chế quản trị, quy chế tài chính, quy chế nhân sự và quy chế hoạt động của BKS của TCT kết hợp với vận dụng các quy định của quy định của luật DN, luật kế toán, luật KTĐL và, hướng dẫn của tổ chức hiệp hội nghề nghiệp trong nước.

2.2.4.2. Phương pháp thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

Như vậy, cơ sở để thực hiện chức năng KTNB của TCT hiện nay chưa đầy đủ, đồng bộ và phù hợp, thiếu vắng các cơ sở trực tiếp như luật KTNB, chuẩn mực KTNB, quy chế KTNB và các công cụ phục vụ hỗ trợ thực hiện chức năng. Chức năng KTNB của TCT chủ yếu dựa trên điều lệ TCT và quy chế quản trị, quy chế tài chính, quy chế nhân sự và quy chế hoạt động của BKS của TCT; một phần dựa trên sự vận dụng hợp lý các quy định pháp luật liên quan, hướng dẫn của tổ chức hiệp hội nghề nghiệp và các chuẩn mực KTNB của quốc tế nên có nhiều hạn chế. Phương pháp kiểm toán chưa hoàn toàn thoả ly khỏi ảnh hưởng của kỹ thuật kiểm tra kế toán mang tính thủ công gắn với đặc trưng của khoản mục. Kinh nghiệm vẫn là lợi thế và được sử dụng triệt để, trong các hoạt động kiểm toán truyền thống, phần mềm và các công cụ kiểm toán hiện đại chưa được sử dụng.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỨC NĂNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI VNSTEEL

Phương pháp thực hiện

Việc đánh giá tình hình thực hiện chức năng KTNB ở TCT và nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến thực tế đó được thực hiện thông qua phân tích dữ liệu thu được từ kết quả khảo sát quan điểm, đánh giá của cá nhân các nhà quản trị và các KTVNB có liên quan đến chức năng KTNB của TCT.

Phiếu khảo sát được thiết kế cho mục tiêu này là mẫu phiếu 02 (*Phụ lục số 08*). Nội dung khảo sát gồm 2 phần chính: Phần A- Đánh giá của các cá nhân về việc thực hiện chức năng KTNB của TCT; Phần B- Khảo sát ý kiến của các cá nhân về các nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến chức năng KTNB tại TCT.

Mức đánh giá được đo bằng thang Likert 5 điểm: 1-Hoàn toàn không hài lòng; 2-Chưa thực sự hài lòng; 3-Trung lập; 4-Tương đối hài lòng; 5-Hoàn toàn hài lòng hoặc 1-Hoàn toàn không đồng ý; 2-Chưa thực sự đồng ý; 3-Trung lập; 4-Tương đối đồng ý; 5-Hoàn toàn đồng ý hoặc 1-Hoàn toàn không ảnh hưởng; 2-Ảnh hưởng không đáng kể; 3-Phân vân; 4-Ảnh hưởng đáng kể; 5-Hoàn toàn có ảnh hưởng.

Mẫu khảo sát được xác định gồm 03 KTVNB ở TCT và 28 cá nhân nhà quản trị của 28 đơn vị tương ứng với 28 đơn vị đã từng là khách thể KTVNB của TCT. Số phiếu phát ra là 31, kết quả thu về 31 trong đó có 03 phiếu của KTVNB (đạt 100%) và 25 phiếu của nhà quản trị (đạt 94.12%). Do vậy, dữ liệu sử dụng để phân tích thuộc về 28 phiếu này.

Sau khi tổng hợp kết quả đánh giá của các đối tượng tham gia khảo sát, kết quả tổng hợp được trình bày thông qua một số đại lượng thống kê mô tả. Biểu đồ hình cột, hình tròn cũng được sử dụng để biểu thị các dữ liệu thống kê tần suất cho từng vấn đề được đánh giá. Bên cạnh đó, dữ liệu có được từ kết quả phỏng vấn sâu các nhà quản trị cũng được sử dụng để làm rõ hơn nội dung phân tích.

2.3.1. Đánh giá tình hình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ tại VNSTEEL

2.3.1.1. Đánh giá nội dung chức năng kiểm toán nội bộ

Như vậy có thể thấy, KTVNB của TCT đã thực hiện cả hai chức năng đảm bảo và tư vấn, trong đó chức năng đảm bảo đã đầy đủ cả 3 thành phần (kiểm tra, đánh giá và xác nhận). Chức năng kiểm tra được đánh giá cao nhất, hai chức năng đánh giá và xác nhận được đánh giá ngang nhau và đều ở mức trung bình, thấp nhất là chức năng tư vấn. Xét về nội dung, kiểm toán thông tin kế toán tài chính và kiểm toán tuân thủ quy định, quy trình, chính sách được đánh giá cao hơn (trên mức trung bình) so với hai nội dung còn lại là kiểm toán tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực và kiểm toán công tác quản trị rủi ro, đặc biệt kiểm toán quản trị rủi ro chưa nhận được sự hài lòng đáng kể của nhà quản trị và các KTVNB của TCT.

2.3.1.2. Đánh giá quy trình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

Như vậy, những người tham gia khảo sát cho biết chỉ cảm thấy hài lòng ở mức hài lòng trung bình với việc lập kế hoạch KTVNB, các kết luận KTVNB, những kiến nghị và tư vấn sau kiểm toán; trong khi kém hài lòng hơn hay nói đúng hơn là chưa thực sự hài lòng đối với việc xác định phạm vi, nội dung của chức năng KTVNB cũng như các phương pháp, kỹ thuật đã sử dụng trong KTVNB. Quy trình cả cuộc KTVNB cũng chưa làm hài lòng các nhà quản trị và các chủ thể KTVNB khi chỉ đạt được mức độ hài lòng chưa dưới ngưỡng trung bình.

2.3.1.3. Đánh giá nhân sự và bộ máy thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

Nhìn chung, vị trí của bộ phận KTVNB được đánh giá phù hợp, đảm bảo thẩm quyền ở mức trung bình song cách thức tổ chức bộ máy chỉ được đánh giá mức dưới trung bình. Yếu tố nhân sự gồm số lượng, năng lực và tính độc lập, khách quan đều không được đánh giá cao, mức đánh giá từ trung bình trở xuống.

2.3.1.5. Đánh giá cơ sở thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

Về cơ bản, các yếu tố thuộc cơ sở thực hiện chức năng KTVNB của TCT đều không được đánh giá cao. Ba trong số bốn cơ sở (bao gồm nhóm cơ sở về chuẩn mực KTVNB, quy chế, sổ tay, điều lệ

KTNB và phần mềm hỗ trợ KTNB) đều dưới trung bình nghĩa là các cơ sở này chưa đầy đủ, hữu ích. Riêng yếu tố quy định và chính sách khác liên quan đến chức năng KTNB được đánh giá cao nhất song cũng chỉ đạt mức sắp xỉ trung bình nghĩa là không thực sự đầy đủ song cũng không đến mức thiếu và kém hữu ích.

2.3.1.6. Đánh giá chung về chức năng kiểm toán nội bộ của VNSTEEL

*** Những kết quả và điểm mạnh:**

Một là KTNB của TCT đã được thực hiện đầy đủ cả hai chức năng đảm bảo và tư vấn bao gồm cả các chức năng thành phần (kiểm tra, đánh giá và xác nhận). Đồng thời, cả ba loại hình kiểm toán bao gồm kiểm toán thông tin kế toán-tài chính, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động cũng được thực hiện đầy đủ. Nội dung kiểm toán thông tin kế toán tài chính được thực hiện nhiều và thường xuyên hơn và cũng nhận được mức đánh giá cao hơn từ các nhà quản trị và KTVNB.

Hai là quy trình một cuộc KTNB được thực hiện bởi KTNB của TCT về cơ bản cũng tuân tự trải qua 4 giai đoạn của một cuộc KTNB thông thường, bao gồm: chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán và theo dõi sau kiểm toán. Trong đó, việc lập kế hoạch KTNB năm được thực hiện thành nề nếp và được đánh giá cao hơn cả.

Ba là trong quá trình thực hiện kiểm toán, KTVNB của TCT có sự phối hợp với khách thể kiểm toán về nhân sự hoặc về dữ liệu phục vụ công tác kiểm toán. Điều này giúp tăng cường mối quan hệ giữa các bên liên quan, tạo thuận lợi và tiết kiệm nguồn lực cho kiểm toán.

Bốn là qua mỗi cuộc kiểm toán, KTVNB thường có những phát hiện ra những sai phạm, thiếu sót, lỗ hổng trong công tác kế toán, công tác quản lý, điều hành và kiểm soát từ đó đề xuất những kiến nghị để xử lý, khắc phục và sửa chữa sai phạm đồng thời tư vấn các phương hướng, giải pháp cải thiện tình hình. Những đề xuất, tư vấn của KTVNB đều được báo cáo lên cấp trực tiếp quản lý và phần lớn được triển khai đến các khách thể kiểm toán góp phần tăng cường quản trị và KSNB.

Năm là vị trí của bộ phận KTNB trong bộ máy quản trị của TCT được bố trí thuộc cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của TCT nên đảm bảo tính độc lập và thẩm quyền cao cho chức năng KTNB. Đồng thời, KTNB có mối quan hệ giữa bộ tương đối chặt chẽ với các bộ phận phòng ban chức năng và các đơn vị của TCT.

Sáu là đội ngũ KTVNB của TCT được đào tạo chuyên môn bài bản, có kinh nghiệm về kế toán và KTNB, am tường thực tế của TCT cũng như đặc thù của ngành thép thêm vào có tính độc lập về thân nhân. Số lượng nhân sự với cơ cấu linh hoạt tạm thời được coi là phù hợp và hiệu quả trong điều kiện nguồn lực hiện có.

*** Những tồn tại và hạn chế:**

Thứ nhất, chức năng KTNB không được quy định rõ ràng trong các tài liệu của TCT, thực hành chưa đầy đủ và thiếu hiệu quả, tập trung vào chức năng kiểm tra; các chức năng đánh giá, xác nhận và chức năng tư vấn có được thực hiện nhưng còn nhiều hạn chế.

Thứ hai, phạm vi và mức độ thực hiện các chức năng KTNB có sự giới hạn đáng kể, kém sáng tạo, thiếu tính chủ động, tập trung nhiều vào các hoạt động tài chính, thường là hậu kiểm sau khi có BCTC năm với một số khách thể nhất định và tại một số đơn vị chủ yếu là ĐVTT và CTC.

Thứ ba, các giai đoạn song nội dung cụ thể của từng giai đoạn chưa đầy đủ và chất lượng. Chương trình kiểm toán mới chỉ được lập cho một số cuộc kiểm toán nhất định. Việc xác định trọng tâm, phạm vi, nội dung cũng như các phương pháp, thủ tục kiểm toán không được thực hiện đầy đủ và bài bản, còn thiếu tính chuyên nghiệp và thiếu căn cứ.

Thứ bốn, các phương pháp, kỹ thuật được sử dụng chủ yếu dựa trên kinh nghiệm của KTVNB, mang nặng tính thủ công .

Thứ năm, cơ sở để thực hiện chức năng KTNB của TCT hiện nay chưa đầy đủ, đồng bộ và phù hợp, còn thiếu vắng các cơ sở trực tiếp như luật KTNB, chuẩn mực KTNB, quy chế KTNB và các công cụ phục vụ hỗ trợ thực hiện chức năng.

Thứ sáu, bộ máy KTNB của TCT được thiết lập tổ chức lồng ghép trong BKS nên thiếu tính bài bản, chuyên nghiệp.

Thứ bảy, kết quả KTNB do TCT thực hiện thường là những phát hiện sai phạm, kiến nghị biện pháp xử lý, tư vấn biện pháp cải thiện và tăng cường công tác quản lý, kiểm soát; chưa nhiều ý kiến tư vấn về QLRR, thực hiện chiến lược và mục tiêu quản trị.

Thứ tám, nhận thức về chức năng KTNB là một vấn đề lớn đối với nhà quản trị TCT.

2.3.2. Nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ tại VNSTEEL

2.3.2.1. Những nhân tố chủ quan

Nhóm thứ nhất: Quan điểm và nhận thức của nhà quản trị về chức năng KTNB

Nhóm thứ hai: Cơ sở thực hiện chức năng KTNB do TCT thiết lập

Nhóm thứ ba: Nội dung, quy trình và phương pháp thực hiện KTNB

Nhóm thứ tư: Đội ngũ KTVNB

Nhóm thứ năm: Tổ chức bộ phận KTNB

2.3.2.2. Những nhân tố khách quan

Thứ nhất: Yếu tố lịch sử về hoạt động kiểm tra, kiểm soát nói chung để lại.

Thứ hai: Hệ thống văn bản pháp lý về KTNB có nhiều điều còn hạn chế ảnh hưởng tới sự phát triển của KTNB

Thứ ba: Thực trạng quản lý và KSNB của TCT còn yếu

Thứ tư: Mô hình tổ chức của một TCT làm cho KTNB bị hạn chế khả năng hình thành và phát triển

CHƯƠNG 3-MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL-VNSTEEL TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

3.1. SỰ CẦN THIẾT VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL

3.1.1. Định hướng phát triển của VNSTEEL trong bối cảnh hội nhập

Định hướng phát triển của TCT

TCT có tầm nhìn trở thành một tập đoàn thép hàng đầu của Việt Nam, cung cấp sản phẩm thép chất lượng cao với năng lực cạnh tranh có hiệu quả, phát triển bền vững, tiên phong trong đổi mới và hướng tới đẳng cấp quốc tế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của TCT

*Giai đoạn 2016-2020: TCT tiếp tục thực hiện Đề án tái cấu trúc VNSTEEL-CTCP đã được phê duyệt trong Quyết định số 124/QĐ-VNS ngày 5/5/2015 và Quyết định số 148/QĐ-VNS ngày 18/5/2016 của HĐQT công ty.

*Giai đoạn đến 2025: Gia tăng giá trị cho công ty, đạt được sự tích hợp quy mô và năng lực cạnh tranh quốc tế trên cơ sở tích hợp nguyên liệu thô và công nghệ tiên tiến.

3.1.2. Phương hướng hoàn thiện nhằm tăng cường chức năng KTNB tại VNSTEEL

Tăng cường chức năng KTNB phải đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Tăng cường chức năng KTNB phải đảm bảo tính độc lập, khách quan trong hoạt động.

Tăng cường chức năng KTNB phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm tổ chức và hoạt động của TCT.

Tăng cường chức năng KTNB phải đảm bảo tinh giản, tiết kiệm, hiệu quả.

3.2. GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG KTNB TẠI VNSTEEL.

Thay đổi nhận thức về chức năng KTNB trong DN

Nhiều nhà quản trị cho rằng chức năng KTNB và BKS là tương tự nhau nên hai bộ phận này của TCT có thể nhập lại. Tuy nhiên, bản chất và chức năng của hai bộ phận này là khác nhau rõ rệt. BKS là bộ máy giúp việc cho HĐQT kiểm soát toàn bộ TCT. KTNB là chức năng thẩm định độc lập được thiết lập trong TCT để xem xét, đánh giá về các hoạt động của đơn vị với tư cách là một sự trợ giúp đối với TCT. Do đó, việc đồng nhất giữa chức năng của BKS với bộ phận KTNB trong TCT nói chung và trong TCT thép nói riêng là không phù hợp.

Bên cạnh đó, nhận thức về các loại hình kiểm toán cũng cần có sự thay đổi khi hiện nay nhiều nhà quản trị vẫn cho rằng nếu có KTĐL hoặc KTNN thực hiện kiểm toán thì không cần KTNB nữa hoặc các cuộc KTNB chỉ tập trung vào kiểm toán tài chính mà bỏ ngỏ mảng kiểm toán hoạt động. Như vậy, nhà quản lý vẫn chỉ mới quan tâm tới thông tin tài chính, tới tính trung thực của thông tin này mà chưa quan tâm tới hiệu quả sử dụng của các nguồn lực tại đơn vị.

Xây dựng chiến lược phát triển và điều lệ KTNB

Xây dựng và hoàn thiện quy chế KTNB: TCT cần sớm xây dựng và hoàn thiện quy chế KTNB phù hợp để làm căn cứ cho hoạt động KTNB.

Xây dựng các kế hoạch phục vụ cho mục đích hoàn thiện KTNB: Các nhà lãnh đạo TCT cần thực hiện tách bạch và phân công trách nhiệm hợp lý trong các bộ phận thực hiện các chức năng như bộ phận KTNB, thanh tra, KSNB, pháp chế để tránh hiện tượng chồng chéo gây lãng phí thời gian và tiền bạc. Sau đó, thiết lập cơ chế hoạt động của KTNB trực thuộc HĐQT

Vận dụng phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro

KTNB tại TCT cũng nên thay đổi phương pháp tiếp cận kiểm toán cho phù hợp với thông lệ quốc tế về kiểm toán. Để lập được kế hoạch và trưng trình kiểm toán, KTNB phải thực hiện đánh giá rủi ro. Quy trình đánh giá rủi ro cho KTNB với hai cấp độ: Một là đánh giá rủi ro làm cơ sở xây dựng kế hoạch kiểm toán năm; hai là đánh giá rủi ro để xây dựng chương trình kiểm toán.

Hoàn thiện quy trình và phương pháp kỹ thuật KTNB

Khi KTNB TCT thực hiện kiểm toán dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro thì mục đích trọng tâm của các cuộc kiểm toán sẽ là:

- (1) Tìm kiếm và phát hiện rủi ro, gian lận, sai sót;
- (2) đề xuất các biện pháp ngăn chặn, xử lý các phát hiện trên;
- (3) Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn rủi ro.

Vận dụng mô hình tổ chức bộ phận KTNB phù hợp và hiệu quả: Tổ chức bộ phận KTNB chuyên trách theo mô hình hỗn hợp sử dụng nhân sự tại chỗ kết hợp với thuê ngoài một phần chức năng KTNB:.

+ Tại TCT – Công ty mẹ: Bộ phận KTNB chuyên trách được thiết lập tại cấp TCT, gọi là Ban KTNB, trực thuộc HĐQT, báo cáo kết quả KTNB trực tiếp cho chủ tịch HĐQT. Cơ cấu tổ chức Ban KTNB tổ chức Ban KTNB thành các tổ

+ Tại các khu vực (miền Bắc miền Trung-miền Nam): TCT nên mở thêm văn phòng đại diện ở Miền Trung, mỗi miền sẽ có 1 bộ phận KTNB đảm nhận toàn bộ chức năng KTNB đối với các công ty con, công ty liên kết trong khu vực địa lý tương ứng gọi là các tổ KTNB khu vực.

+ Tại các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết: Tại các công ty con và công ty liên kết, TCT không thiết lập bộ phận KTNB riêng dù chỉ là hình thức tổ KTNB hay giám định viên kế toán. Nếu các công ty con, công ty liên kết có tổ chức bộ phận KTNB riêng thì KTNB khu vực có thể kết hợp với KTNB của các công ty con, công ty liên kết trong việc thực hiện các cuộc kiểm toán hoặc có thể sử dụng kết quả kiểm toán KTNB của các công ty con ở một mức độ nhất định.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Kiến nghị đối với các cơ quan Nhà nước

-Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về KTNB:

- Thực hiện đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền giúp các DN nâng cao nhận thức về vai trò của KTNB, nhận thấy rõ sự cần thiết phải KTNB hướng tới quản trị rủi ro.

Kiến nghị đối với VNSTEEL

-Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin cho hoạt động KTNB.

- TCT cần thiết lập bộ phận QTRR để thực hiện việc xác định, đánh giá và giải pháp ngăn chặn rủi ro trong các bộ phận, nghiệp vụ toàn TCT.

- TCT cũng cần xây dựng và hoàn thiện quy chế hoạt động của bộ phận QTRR cũng như xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đánh giá rủi ro.

KẾT LUẬN

Ngày nay, yêu cầu nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong hoạt động của khiến các dn quan tâm nhiều hơn đến chức năng KTNB. KTNB là chức năng quan trọng, là một công cụ hiệu quả nhằm cải thiện hoạt động của dn. Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các nước, bài viết chỉ ra một số bài học kinh nghiệm cho dn Việt Nam trong việc thực hiện chức năng KTNB trong DN.

Với phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng giản đơn, đề tài đã lần lượt đạt được các mục tiêu nghiên cứu theo thuyết minh đã đề ra, cụ thể:

- Đề tài đã hệ thống hóa những vấn đề lí luận và thực tiễn về chức năng KTNB hiện đại làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp và khuyến nghị trong phần sau.

- Đề tài đã nghiên cứu, khảo sát và đánh giá thực trạng thực hiện chức năng KTNB tại VNSTEEL, nhận định nguyên nhân của thực trạng đó.

- Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài đã đề xuất các khuyến nghị nhằm tăng cường chức năng KTNB góp phần thực hiện hiệu quả công tác quản lí, kiểm soát tại VNSTEEL.